



SÀI GÒN - QUY NHƠN MINING CO., LTD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN**  
**Lô B6, đường số 5, KCN Nhơn Hội, TP.Quy Nhơn, Bình Định**  
**Mã số thuế : 4100624513**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 3 năm 2011**

*-Quy Nhơn, tháng 10 năm 2011-*

# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01-04
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06-07
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08-24

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/07/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>425,000,155,267</b>	<b>340,597,503,536</b>
<b>(100 = 110+120+130+140+150)</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>56,922,040,050</b>	<b>42,884,182,711</b>
1. Tiền	111		4,264,444,050	22,884,182,711
2. Các khoản tương đương tiền	112		52,657,596,000	20,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>40,292,857,813</b>	<b>39,292,857,813</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		40,292,857,813	39,292,857,813
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>184,610,812,959</b>	<b>174,232,665,406</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3.1	56,435,696,600	69,179,650,447
2. Trả trước cho người bán	132	V.3.2	87,212,516,987	96,046,830,924
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3.3	40,962,599,372	9,006,184,035
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>97,947,406,635</b>	<b>63,689,793,534</b>
1. Hàng tồn kho	141		97,947,406,635	63,689,793,534
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>45,227,037,810</b>	<b>20,498,004,072</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,977,216,332	1,993,441,992
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19,695,172,663	10,954,772,988
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		22,554,648,815	7,549,789,092
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,011,607,661,125</b>	<b>959,108,084,141</b>
<b>(200 = 210+220+240+250+260)</b>				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/07/2011
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>253,409,279,998</b>	<b>206,015,870,854</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	210,047,736,872	190,459,209,239
- Nguyên giá	222		247,385,962,486	227,471,339,476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37,338,225,614)	(37,012,130,237)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	17,579,293	29,595,394
- Nguyên giá	228		106,128,800	106,128,800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88,549,507)	(76,533,406)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	43,343,963,833	15,527,066,221
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.9</b>	<b>736,300,000,000</b>	<b>736,300,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		736,300,000,000	736,300,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.10</b>	<b>21,898,381,127</b>	<b>16,792,213,287</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19,938,184,905	14,847,711,596
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,960,196,222	1,944,501,691
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>270</b>		<b>1,436,607,816,392</b>	<b>1,299,705,587,677</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/07/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>249,468,583,406</b>	<b>144,224,408,539</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>199,994,193,013</b>	<b>104,758,170,336</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.1	140,812,584,875	73,346,150,710
2. Phải trả cho người bán	312	V.11.2	31,699,500,424	8,257,464,497
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11.3	11,569,328,196	233,844,621
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.4	6,604,724,892	5,708,963,618
5. Phải trả người lao động	315	V.11.5	-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.11.6	1,149,692,476	728,599,440
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11.7	7,892,440,550	16,097,680,850
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.11.8	265,921,600	385,466,600
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327	V.11.12	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49,474,390,393</b>	<b>39,466,238,203</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	49,474,390,393	39,466,238,203
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>1,187,139,232,986</b>	<b>1,155,481,179,138</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>1,187,139,232,986</b>	<b>1,155,481,179,138</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		105,000,000,000	105,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/07/2011
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		82,139,232,986	50,481,179,138
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,436,607,816,392</b>	<b>1,299,705,587,677</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2011	01/07/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		76,577.78	788,157.06
- EUR		301.01	0.75
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 10 năm 2011

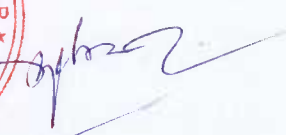
Kế toán trưởng



**Trần Thị Diệp**

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

Tổng Giám đốc

**Đặng Thị Hoàng Phượng**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2011	Quý III/2010	Lũy kế từ đầu năm đến Quý III/2011	Lũy kế từ đầu năm đến Quý III/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92,588,250,550	38,820,521,150	228,379,018,430	82,541,039,642
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6,703,353,869	2,304,334,140	23,363,858,276	4,265,362,140
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85,884,896,681	36,516,187,010	205,015,160,154	78,275,677,502
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	49,418,545,215	29,592,842,362	126,733,343,426	59,719,286,154
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <b>(20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>36,466,351,466</b>	<b>6,923,344,648</b>	<b>78,281,816,728</b>	<b>18,556,391,348</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,149,661,225	1,279,280,247	10,549,089,452	7,754,495,424
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,634,032,712	2,200,611,777	5,894,758,613	8,637,204,675
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2,490,772,792</i>	<i>2,131,130,217</i>	<i>4,615,880,843</i>	<i>7,222,174,018</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1,019,945,747	642,360,973	4,656,349,672	1,324,756,592
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,179,634,219	2,248,213,150	12,913,295,899	7,948,954,259
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>30,782,400,013</b>	<b>3,111,438,995</b>	<b>65,366,501,996</b>	<b>8,399,971,246</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3,056,513,636	622,700	3,071,514,336	648,047,050
12. Chi phí khác	32	VI.6	1,393,343,943	-	1,453,343,942	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1,663,169,693</b>	<b>622,700</b>	<b>1,618,170,394</b>	<b>648,047,050</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>32,445,569,706</b>	<b>3,112,061,695</b>	<b>66,984,672,390</b>	<b>9,048,018,296</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	803,210,389	805,269,741	3,711,952,082	2,351,890,687
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.8	(15,694,531)	-	(529,027,124)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>31,658,053,848</b>	<b>2,306,791,954</b>	<b>63,801,747,432</b>	<b>6,696,127,609</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.9	<b>316.581</b>	<b>23.068</b>	<b>638.017</b>	<b>66.961</b>

Tp. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Hoàng Phượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III/2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>32,445,569,706</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	7,484,570,064
- Các khoản dự phòng	03	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,693,692,074)
- Chi phí lãi vay	06	2,490,772,792
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>39,727,220,488</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(26,223,042,098)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(34,257,613,101)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(8,008,368,997)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	(6,074,247,649)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2,490,772,792)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(15,705,082,664)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>(53,031,906,813)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12,538,687,942)
Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	480,000,000
Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ	23	(1,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-
Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-
Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-
Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	2,736,711,768
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10,321,976,174)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III/2011
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	83,113,164,725
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5,721,424,399)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>77,391,740,326</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>14,037,857,339</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	42,884,182,711
<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	56,922,040,050

Tp. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng



Trần Thị Điệp

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Hằng Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ tám ngày 02/03/2011.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, xây dựng, khai thác và chế biến quặng Titan

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;
- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>02 - 15 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>02 - 15 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>02 - 07 năm</i>
<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>02 - 03 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>02 - 15 năm</i>

### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:** được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

### Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí mua sắm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện, tiền nước, tiền lương, lãi vay phải trả và các chi phí phải trả khác.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

#### Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/09/2011	01/07/2011
<b>Tiền</b>	<b>4,264,444,050</b>	<b>22,884,182,711</b>
Tiền mặt	714,528,653	100,480,249
Tiền mặt VNĐ	714,528,653	100,480,249
Tiền gửi ngân hàng	3,549,915,397	22,783,702,462

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tiền gửi ngân hàng VNĐ	1,947,093,399	6,586,644,003
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	1,602,821,998	16,197,058,459
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>52,657,596,000</b>	<b>20,000,000,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng VNĐ	9,157,596,000	20,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng ngoại tệ	43,500,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>56,922,040,050</b>	<b>42,884,182,711</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>30/09/2011</b>	<b>01/07/2011</b>
Đầu tư ngắn hạn khác	<b>40,292,857,813</b>	<b>39,292,857,813</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>	-	-
<i>Cho vay tổ chức kinh tế (*)</i>	40,292,857,813	39,292,857,813
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40,292,857,813</b>	<b>39,292,857,813</b>
(*) Khoản cho Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn vay theo các hợp đồng cho vay sau:		
- Hợp đồng cho vay số 02/2010/TMV-CTY ngày 29/10/2010, số tiền cho vay là 25.778.780.000 VNĐ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 15%/năm, mục đích vay là Bổ sung vốn lưu động dự án Khu dân cư Cát Lái Quận 2 Tp.HCM.		
- Hợp đồng cho vay số 03/2010/TMV-CTY ngày 8/12/2010, số tiền cho vay là 16.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 15%/năm, mục đích vay là Bổ sung vốn lưu động dự án Khu dân cư Cát Lái Quận 2 Tp.HCM.		
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30/09/2011</b>	<b>01/07/2011</b>
<b>3.1 Phải thu khách hàng</b>		
Phải thu khách hàng trong nước	50,643,514,310	51,559,013,307
Phải thu khách hàng nước ngoài	5,792,182,290	17,620,637,140
<b>Cộng</b>	<b>56,435,696,600</b>	<b>69,179,650,447</b>
<b>3.2 Trả trước cho người bán</b>		
Khách hàng trong nước	71,312,996,987	77,044,151,961
Khách hàng nước ngoài	15,899,520,000	19,002,678,963
<b>Cộng</b>	<b>87,212,516,987</b>	<b>96,046,830,924</b>
<b>3.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu khác	40,962,599,372	9,006,184,035
<b>Cộng</b>	<b>40,962,599,372</b>	<b>9,006,184,035</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>184,610,812,959</b>	<b>174,232,665,406</b>
<b>Dự phòng phải thu khó đòi (-)</b>	-	-
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>184,610,812,959</b>	<b>174,232,665,406</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	30/09/2011	01/07/2011
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	59,238,519,183	35,850,002,333
Công cụ, dụng cụ	227,249,674	206,103,995
Chi phí SX, KD dở dang	14,225,057,048	8,648,084,163
Thành phẩm	24,251,279,126	18,980,301,439
Hàng hoá	5,301,604	5,301,604
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>97,947,406,635</b>	<b>63,689,793,534</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>97,947,406,635</b>	<b>63,689,793,534</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VNĐ
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VNĐ
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh.

	30/09/2011	01/07/2011
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
<b>5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Số đầu năm	1,993,441,992	1,363,591,487
Phát sinh trong năm	20,839,100,460	1,631,634,056
Kết chuyển chi phí	19,855,326,120	1,001,783,551
Kết chuyển khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2,977,216,332</b>	<b>1,993,441,992</b>
<b>5.2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>		
Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ	14,696,233,884	10,954,772,988
Thuế giá trị gia tăng của TSCĐ	4,998,938,779	-
<b>Cộng</b>	<b>19,695,172,663</b>	<b>10,954,772,988</b>
<b>5.3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5.4 Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	778,965,238	1,359,643,179
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21,775,683,577	6,190,145,913
<b>Cộng</b>	<b>22,554,648,815</b>	<b>7,549,789,092</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>45,227,037,810</b>	<b>20,498,004,072</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình:** Xem thuyết minh tại trang 23

**7. Tài sản cố định vô hình**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	-	106,128,800	-	<b>106,128,800</b>
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất KD	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	106,128,800	-	<b>106,128,800</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	76,533,406	-	<b>76,533,406</b>
Khấu hao trong kỳ	-	12,016,101	-	<b>12,016,101</b>
Số dư cuối kỳ	-	88,549,507	-	<b>88,549,507</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	-	29,595,394	-	<b>29,595,394</b>
Số dư cuối kỳ	-	17,579,293	-	<b>17,579,293</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

30/09/2011

01/07/2011

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:

Nhà máy sản xuất xi Titan	41,826,493,506	5,074,961,101
Thiết bị khai thác titan Mỹ Thành	-	5,570,415,737
Thiết bị khai thác titan KCN Nhơn Hội	366,551,691	3,530,188,055
Cụm công nghiệp chế biến sâu Titan tại Phù Mỹ	1,122,618,636	1,122,618,636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án khác	28,300,000	228,882,692

**Cộng**

**43,343,963,833**

**15,527,066,221**

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/09/2011		01/07/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>16,130,000</b>	<b>736,300,000,000</b>	<b>16,130,000</b>	<b>736,300,000,000</b>
Công ty CP ĐTPT Nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận	15,500,000	310,000,000,000	15,500,000	310,000,000,000
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Ninh Thuận	630,000	6,300,000,000	630,000	6,300,000,000
Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn (1)		220,000,000,000		220,000,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty CP Du Lịch Sài Gòn - Hàm Tân (2)	200,000,000,000	200,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>16,130,000</b>	<b>736,300,000,000</b>
	<b>16,130,000</b>	<b>736,300,000,000</b>

(1) Công ty ký kết hợp tác với Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn theo hợp đồng liên kết hợp tác đầu tư số 02/SQC-HĐ-10 ngày 23/10/2010, tổng vốn góp ban đầu dự kiến là 400 tỷ đồng trong đó Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn là 220 tỷ đồng. Mục đích góp vốn đầu tư vào các dự án về đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản, khu đô thị, khu nghỉ dưỡng tại Tp.HCM.

(2) Công ty ký kết hợp tác với Công ty CP Du Lịch Sài Gòn - Hàm Tân theo hợp đồng liên kết hợp tác đầu tư số 01/SQC-HĐ-10 ngày 23/10/2010, tổng vốn góp ban đầu dự kiến là 400 tỷ đồng trong đó Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn là 200 tỷ đồng. Mục đích góp vốn đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, khu đô thị, khu nghỉ dưỡng tại Bình Thuận.

10. Tài sản dài hạn khác		30/09/2011	01/07/2011
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>			
Số đầu kỳ		14,847,711,596	14,886,832,692
Phát sinh trong kỳ		7,336,970,973	2,466,182,861
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ		2,246,497,664	2,505,303,957
Trừ: kết chuyển giảm khác		-	-
Số cuối kỳ		<b>19,938,184,905</b>	<b>14,847,711,596</b>
<b>11. Nợ ngắn hạn</b>	Ngoại tệ	30/09/2011	01/07/2011
<b>11.1 Vay và nợ ngắn hạn</b>			
Vay ngắn hạn USD	6,781,889.000	140,812,584,875	73,346,150,710
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	<i>1,023,270.000</i>	<i>21,229,776,260</i>	<i>5,697,176,000</i>
<i>Ngân hàng BIDV - CN Bình Định</i>	<i>4,762,110.000</i>	<i>98,893,244,225</i>	<i>65,953,839,710</i>
<i>Ngân hàng TMCP Nam Việt</i>	-	-	<i>1,695,135,000</i>
<i>Ngân hàng Vietcombank - CN Bình Định</i>	<i>996,509.000</i>	<i>20,689,564,390</i>	-
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	-
<b>Cộng</b>	<b>6,781,889.000</b>	<b>140,812,584,875</b>	<b>73,346,150,710</b>
<b>11.2 Phải trả người bán</b>			
Phải trả người bán trong nước		7,873,292,106	8,240,814,855
Phải trả người bán nước ngoài		23,826,208,318	16,649,642
<b>Cộng</b>		<b>31,699,500,424</b>	<b>8,257,464,497</b>
<b>11.3 Người mua trả tiền trước</b>			
Khách hàng trong nước		9,207,209,570	-
Khách hàng nước ngoài		2,362,118,626	233,844,621
<b>Cộng</b>		<b>11,569,328,196</b>	<b>233,844,621</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1,070,016,000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,711,952,082	2,908,741,693
Thuế xuất nhập khẩu	1,084,713,066	2,634,922,133
Thuế thu nhập cá nhân	58,146,890	43,305,192
Thuế tài nguyên	493,112,004	88,479,600
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	186,784,850	33,515,000
<b>Cộng</b>	<b>6,604,724,892</b>	<b>5,708,963,618</b>

**11.5 Phải trả người lao động**

Tiền lương công nhân viên	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**11.6 Chi phí phải trả**

Chi phí điện sản xuất	654,568,909	495,123,566
Chi phí khác	495,123,567	233,475,874
<b>Cộng</b>	<b>1,149,692,476</b>	<b>728,599,440</b>

**11.7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Kinh phí công đoàn	-	1,948,000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	128,037,753	128,037,753
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7,764,402,797	15,967,695,097
<b>Cộng</b>	<b>7,892,440,550</b>	<b>16,097,680,850</b>

**11.8 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng	226,162,500	226,162,500
Quỹ phúc lợi	39,759,100	159,304,100
<b>Cộng</b>	<b>265,921,600</b>	<b>385,466,600</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>199,994,193,013</b>	<b>104,758,170,336</b>

**12. Vay và nợ dài hạn**

	Ngoại tệ	30/09/2011	01/07/2011
Vay dài hạn			
Vay dài hạn VNĐ		17,684,392,803	17,684,392,803
<i>Ngân hàng TMCP Nam Việt</i>		17,684,392,803	17,684,392,803
Vay dài hạn USD	1,541,288.000	31,789,997,590	21,781,845,400
<i>BIDV-CN Bình Định</i>	906,600.000	18,623,056,000	18,623,056,000
<i>VCB-Bình Định</i>	634,688.000	13,166,941,590	3,158,789,400
<b>Cộng</b>		<b>49,474,390,393</b>	<b>39,466,238,203</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp của Nhà nước

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn góp của các nhà đầu tư khác	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Cổ phiếu quỹ		
<b>Cộng</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>1,000,000,000,000</b>
<b>b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem Thuyết minh tại trang 24</b>		
<b>c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận:</b>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>d. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120,000,000	120,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	100,000,000	100,000,000
Cổ phiếu thường	100,000,000	100,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100,000,000	100,000,000
Cổ phiếu thường	100,000,000	100,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý III/2011</b>	<b>Quý III/2010</b>
Doanh thu bán hàng hóa	88,553,257,150	20,281,517,980
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,034,993,400	9,436,799,102
Doanh thu xây dựng, san lấp mặt bằng	-	7,399,491,808
Doanh thu khác	3,000,000,000	1,702,712,260
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>92,588,250,550</b>	<b>38,820,521,150</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	6,703,353,869	2,304,334,140
<i>Thuế xuất khẩu</i>	6,703,353,869	2,304,334,140
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>85,884,896,681</b>	<b>36,516,187,010</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng hóa đã bán	45,140,361,921	15,862,536,594
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1,114,546,930	4,180,471,105
Giá vốn xây dựng, san lấp mặt bằng	-	7,057,320,000
Giá vốn khác	3,163,636,364	2,492,514,663
<b>Cộng</b>	<b>49,418,545,215</b>	<b>29,592,842,362</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,551,472,866	1,133,577,312
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	412,949,457	1,668,735
Lãi bán ngoại tệ	185,238,902	144,034,200
<b>Cộng</b>	<b>3,149,661,225</b>	<b>1,279,280,247</b>

**4. Chi phí tài chính**

Lãi tiền vay	2,490,772,792	2,131,130,217
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	143,259,920	69,481,560
<b>Cộng</b>	<b>2,634,032,712</b>	<b>2,200,611,777</b>

**5. Thu nhập khác**

Thu nhập từ bán tài sản cố định	1,436,363,636	-
Thu nhập bán phế liệu	1,610,250,000	-
Thu nhập khác	9,900,000	622,700
<b>Cộng</b>	<b>3,056,513,636</b>	<b>622,700</b>

**6. Chi phí khác**

Giá trị tài sản cố định đã bán	1,393,343,943	-
Giá trị tài sản dở dang đã bán	-	-
Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,393,343,943</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>32,445,569,706</b>	<b>3,112,061,695</b>
- Lợi nhuận được miễn thuế - Dự án: Nhà máy sản xuất Xi (Phân bổ theo doanh thu)	29,404,720,520	-
- Lợi nhuận các hoạt động khác	3,040,849,186	5,906,426,108
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	<b>109,214,246</b>	<b>109,017,270</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	109,214,246	109,017,270

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>32,554,783,952</b>	<b>3,221,078,965</b>
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8,138,695,988	805,269,741
6. Thuế TNDN được miễn của Dự án Nhà máy sản xuất Xi	7,351,180,130	-
<b>7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>787,515,858</b>	<b>805,269,741</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	-	-
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	15,694,531	-
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>15,694,531</b>	<b>-</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>31,658,053,848</b>	<b>2,306,791,954</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.</b>	<b>31,658,053,848</b>	<b>2,306,791,954</b>
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100,000,000	100,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>316.581</b>	<b>23.068</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn	Cổ đông	Phải thu chuyên nhượng nhà xưởng cho thuê tại KCN Nhơn Hội và khác	-	5,587,472,660
		Công ty cho vay tiền	1,000,000,000	40,292,857,813
		Phải trả lãi vay cho công ty	1,834,274,337	4,355,566,047
		Góp vốn hợp tác đầu tư	-	220,000,000,000

**3. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp



*TP. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 10 năm 2011*

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Hoàng Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	85,301,094,245	136,351,945,376	3,135,628,045	409,269,960	2,273,401,850	227,471,339,476
Mua trong kỳ	-	-	794,622,000	17,345,454	-	811,967,454
ĐT.XDCB h.thành	329,405,273	19,235,942,502	8,077,110,309	-	-	27,642,458,084
Thanh lý, nhượng bán	-	8,146,052,528	393,750,000	-	-	8,539,802,528
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>85,630,499,518</b>	<b>147,441,835,350</b>	<b>11,613,610,354</b>	<b>426,615,414</b>	<b>2,273,401,850</b>	<b>247,385,962,486</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	7,772,775,919	27,174,317,377	1,391,905,390	306,488,575	366,642,976	37,012,130,237
Khấu hao trong kỳ	1,474,375,541	5,487,080,294	424,727,816	27,307,425	59,062,887	7,472,553,963
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	6,916,771,086	229,687,500	-	-	7,146,458,586
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9,247,151,460</b>	<b>25,744,626,585</b>	<b>1,586,945,706</b>	<b>333,796,000</b>	<b>425,705,863</b>	<b>37,338,225,614</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	77,528,318,326	109,177,627,999	1,743,722,655	102,781,385	1,906,758,874	190,459,209,239
Số dư cuối kỳ	76,383,348,058	121,697,208,765	10,026,664,648	92,819,414	1,847,695,987	210,047,736,872

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vốn chủ sở hữu

b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>105,000,000,000</b>				
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	(293,916,686)	19,737,485,555	1,124,443,568,869
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	32,143,693,583	32,143,693,583
- Trích lập các quỹ	-	-	-	293,916,686	-	293,916,686
- Chia cổ tức	-	-	-	-	1,400,000,000	1,400,000,000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư lũy kế</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>105,000,000,000</b>				
<b>Số dư đầu quý</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>105,000,000,000</b>			<b>50,481,179,138</b>	<b>1,155,481,179,138</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	50,481,179,138	1,155,481,179,138
- Tăng khác	-	-	-	-	31,658,053,848	31,658,053,848
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>105,000,000,000</b>			<b>82,139,232,986</b>	<b>1,187,139,232,986</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính